

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/KDTM-PT

Ngày 23/10/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

Bà Mai Vương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22, 23 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2020/TLPT-KDTM ngày 28/7/2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2019/KDTM-ST ngày 20 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 59/2020/QĐ-PT ngày 27/8/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 50/2020/QĐ-PT ngày 11/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 59/2020/QĐ-PT ngày 29/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV Q (VAMC); địa chỉ trụ sở: Số 22 đường H, phường L, quận H, thành phố H. Đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng TMCP X (Eximbank); địa chỉ: Tầng 8 Tòa nhà Vincom Center, số 72 đường L, phường B, quận 1, Thành phố H. (Theo văn bản ủy quyền số: 863/2016/UQ1.VAMC2 – EXIMBANK ngày 06/4/2016).

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X (Eximbank):* Ông Nguyễn Hữu C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đ; địa chỉ: 48 đường T, quận H, thành phố Đ (Theo Giấy ủy quyền số: 269/2018/EIB/UQ-TGD ngày 28/12/2018 của Tổng Giám đốc). Ông Nguyễn Hữu C ủy quyền lại cho ông Lữ Đình Nghĩa. Sinh năm 1983 – Chức vụ: Trưởng phòng Khách hàng Doanh nghiệp Eximbank Đ tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số: 188/2018/EIB-KHDN ngày 30/11/2018). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L. Địa chỉ: Lô A212-A214 Khu đô thị mới Nam cầu Cẩm Lệ, xã H, huyện H, thành phố Đ. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Hữu S– Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đỗ Hữu S, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Đăng T, sinh năm 1964; Cùng ĐKKHTT: Tổ 11, phường K, quận C, thành phố Đ; Cùng nơi cư trú hiện nay: 141 đường N, tổ 41 phường H, quận L, thành phố Đ. Ông S vắng mặt, bà T có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Đăng T:* Ông Nguyễn Anh T, ông Ông Quốc C và ông Đỗ Thành N là các Luật sư công tác tại Văn phòng Luật sư Đỗ Thành N thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: 14 đường Đ, phường C, quận T, thành phố Đ. (Có mặt).

- Ông Nguyễn Thành V, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 04 phường K, quận C, thành phố Đ. Vắng mặt.

- Ngân hàng TMCP X (Eximbank); địa chỉ trụ sở: Tầng 8 Tòa nhà Vincom Center, số 72 đường L, phường B, quận 1, Thành phố H. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q - Chức vụ: Tổng giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu C, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh Đ; địa chỉ: 48 đường T, quận H, thành phố Đ (Theo Giấy ủy quyền số: 269/2018/EIB/UQ-TGĐ ngày 28/12/2018). Ông Nguyễn Hữu C ủy quyền lại cho bà Phạm Thị Mỹ L. Sinh năm 1981 - Chức vụ: Cán bộ tín dụng Phòng Khách hàng Doanh nghiệp Eximbank Đ tham gia tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số: 123/2019/EIBĐN-KHDN ngày 07/8/2019). Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Đăng T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Ngày 25/9/2012, Ngân hàng TMCP X (Eximbank) và Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L (Công ty L) ký hợp đồng tín dụng cho vay theo hạn mức tín dụng đối với khách hàng doanh nghiệp số 1002LAV201201009. Theo hợp đồng tín dụng thì Eximbank cấp tín dụng cho bên vay với hạn mức 6.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ không quá 12 tháng và quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay.

Căn cứ hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012 thì Eximbank đã giải ngân cho Công ty L với số tiền 6.000.000.000 đồng theo 11 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201203887 ngày 25/9/2012, số tiền vay 90.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201204122 ngày 11/10/2012, số tiền vay 4.680.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 15%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201204873 ngày 30/11/2012, số tiền vay 85.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201205210 ngày 25/12/2012, số tiền vay 90.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201300332 ngày 25/01/2013, số tiền vay 80.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201300706 ngày 22/02/2013, số tiền vay 590.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201301081 ngày 22/3/2013, số tiền vay 70.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201301581 ngày 24/4/2013, số tiền vay 82.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201302000 ngày 24/5/2013, số tiền vay 73.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-201302128 ngày 03/6/2013, số tiền vay 85.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

- Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số: 1002-LDS-20132439 ngày 24/6/2013, số tiền vay 75.000.000 đồng, thời hạn vay 09 tháng, lãi suất cho vay 13%/năm.

Để đảm bảo khoản nợ vay của Công ty L, vợ chồng ông Đỗ Hữu Svà bà Nguyễn Thị Đăng T đã dùng tài sản hợp pháp của mình là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại địa chỉ Lô B42 Khu B5, Khu Dân cư An

Hòa, phường K, quận C, thành phố Đ để thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số: 397/2009 ngày 10/8/2009 được Phòng Công chứng số 01 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 19/8/2009 và các Phụ kiện hợp đồng thế chấp số: 01-397/2009 ngày 01/9/2011 được Phòng Công chứng số 01 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 01/9/2011 và Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 02-397/2009 ngày 19/10/2011 được Phòng Công chứng số 01 thành phố Đà Nẵng công chứng ngày 19/10/2011.

Quá trình sử dụng tiền vay, Công ty L đã vi phạm nghĩa vụ không trả nợ gốc và lãi vay cho Ngân hàng theo đúng cam kết. Mặc dù Eximbank đã nhiều lần dùng nhiều biện pháp yêu cầu Công ty L trả nợ nhưng Công ty vẫn cố tình không trả nợ.

Ngày 23/4/2015, Eximbank đã bán khoản nợ của Công ty L cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) theo hợp đồng mua bán nợ số: 1532/2015/MBN.VAMC2-EXIMBANK. Theo đó Eximbank đã chuyển giao quyền yêu cầu Công ty L phải thanh toán nợ cho VAMC. Đồng thời VAMC đã ký hợp đồng ủy quyền số: 1533/2015/UQ.VAMC2-EXIMBANK ngày 23/4/2015 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ủy quyền số: 1533/2015/UQ.VAMC2-EXIMBANK ngày 23/4/2015 và Hợp đồng ủy quyền số: 863/2016/UQ1.VAMC2-EXIMBANK ngày 06/4/2016 ủy quyền cho Eximbank được toàn quyền thay mặt VAMC xử lý khoản nợ của Công ty L.

Tính đến ngày 20/11/2019, Công ty L còn nợ VAMC số tiền là: Nợ gốc 6.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 4.415.051.444 đồng, nợ lãi quá hạn 2.141.653.542 đồng. Tổng cộng là: 12.556.704.986 đồng.

Nay VAMC yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty L trả số tiền trên cho VAMC, đồng thời đề nghị buộc Công ty L phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp Công ty L không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì đề nghị Tòa án tuyên VAMC có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho VAMC.

- Bị đơn là Công ty L do người đại diện theo pháp luật là ông Đỗ Hữu S trình bày: Đại diện Công ty đã được Tòa án triệu tập họp lệ, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến gì.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đỗ Hữu S, bà Nguyễn Thị Đăng T trình bày: Ông Sơn, bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ, thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì.

- Ông Nguyễn Thành V trình bày: Ông V đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì.

- Ngân hàng TMCP X (Eximbank) trình bày: Eximbank thống nhất với lời trình bày của VAMC về quá trình cho vay đối với khách hàng là Công ty L. Eximbank đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về cho vay đối với Doanh nghiệp và đã giải ngân theo đúng hợp đồng ký kết. Việc Công ty L bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo Quyết định của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Đà Nẵng thì Eximbank không được thông báo và hoàn toàn không biết. Công ty L đã vi phạm hợp đồng không thanh toán nợ gốc và lãi đúng thỏa thuận nên Eximbank đã nhiều lần yêu cầu Công ty L trả nợ tuy nhiên công ty vẫn cố tình không trả. Ngày 23/4/2015, Ngân hàng Eximbank đã bán khoản nợ của Công ty L cho Công ty TNHH MTV Q theo hợp đồng mua bán nợ số: 1532/2015/MBN.VAMC2-EXIMBANK. Nay Eximbank đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung nói trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2019/DSST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 342, 355, 471, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng,

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q (VAMC) đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 1002LAV201201009 ngày 25/9/2012 và 11 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ kèm theo với số tiền bao gồm: Nợ gốc 6.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 4.415.051.444 đồng, nợ lãi quá hạn 2.141.653.542 đồng. Tổng cộng là 12.556.704.986 đồng tính đến ngày 20/11/2019.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1002LAV201201009 ngày 25/9/2012 và 11 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi trả hết toàn bộ nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nói trên cho Công ty TNHH MTV Q thì Công ty TNHH MTV Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bảo đảm để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại địa chỉ Lô B42 Khu B5, Khu Dân cư An Hòa, phường K, quận C, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T (đã được UBND quận Cẩm Lệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 253165, sổ vào sổ cấp giấy: H00195 ngày 19/01/2006) theo hợp đồng thế chấp số: 397/2009 ngày

10/8/2009 được Phòng Công chứng số 01 thành phố Đ công chứng ngày 19/8/2009 và các Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 01-397/2009 ngày 01/9/2011 được Phòng Công chứng số 01 thành phố Đ công chứng ngày 01/9/2011, Phụ kiện hợp đồng thế chấp số 02-397/2009 ngày 19/10/2011 được Phòng Công chứng số 01 thành phố Đ công chứng ngày 19/10/2011; đã đăng ký thế chấp ngày 19/8/2009 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Cẩm Lệ.

3. Án phí KDTM-ST: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L phải chịu 120.557.000 đồng. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Q 26.708.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 5518 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 8.055.000 đồng, Công ty TNHH MTV Q tự nguyện chịu (đã thu và đã chi xong).

Ngoài ra án sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/3/2020, bà Nguyễn Thị Đăng T có đơn kháng cáo quá hạn cho rằng hiện nay Công ty L không thanh toán nợ nên Chi cục Thi hành án quận Cẩm Lệ thực hiện việc bán lô đất của bà để trả nợ thay cho ông Công ty là gây ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại nội dung vụ án. Ngày 16/4/2020, bà T có kháng cáo bổ sung cho rằng trong quá trình giải quyết từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử bà không nhận được một thông tin nào từ Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang. Tại bản án cho rằng đã tìm kiếm ông bà nhưng không có tại địa chỉ trên nên đã xét xử vắng mặt, trong khi đó hộ khẩu của ông bà đã chuyển đi nơi khác và bên Ngân hàng đã giao dịch với ông bà nhiều lần. Trong cả quá trình xét xử chỉ có nguyên đơn, Tòa án chỉ nghe từ một phía, ông bà không được đối chất, không được đưa ra ý kiến, không được bảo vệ quyền lợi của mình nên không khách quan, không công bằng dẫn đến tuyên án không chính xác, ảnh hưởng đến quyền lợi của bà nên bà kháng cáo hủy toàn bộ vụ án.

Ngày 01/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số: 01/2020/QĐ-PT Chấp nhận kháng cáo quá hạn đối với bà Nguyễn Thị Đăng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của Công ty L do ông Đỗ Hữu S làm Giám đốc; ông Nguyễn Thành V đã được Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án niêm yết hợp lệ lần thứ hai theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với họ theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đăng T thì thấy: Bà Nguyễn Thị Đăng T có đăng ký nhân khẩu thường trú tại tổ 11, phường K, quận C, thành phố Đ theo sổ hộ khẩu số 1389 ngày 20/6/1995. Toàn bộ hồ sơ vay vào năm 2012 và hợp đồng thế chấp tài sản số: 397/2009 ngày 10/8/2009 và các Phụ kiện hợp đồng thế chấp số: 01-397/2009 ngày 01/9/2011 và Phụ kiện hợp đồng thế chấp số: 02-397/2009 ngày 19/10/2011 đều thể hiện ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T cùng cư trú tại: tổ 11, phường K, quận C, thành phố Đ. Đến ngày 06/8/2012, bà T chuyển hộ khẩu đến địa chỉ lô 28, đường T nối dài nay là số 40 đường C, phường H, quận H, thành phố Đ. Ngày 30/11/2016, bà T và ông S tạm trú tại số nhà 141 đường N, thuộc tổ 41 phường H, quận L, thành phố Đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại Cảnh sát khu vực Công an phường Khuê Trung xác định: “*Ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T trước đây có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 11 nay tổ 15 phường K, quận C, thành phố Đ. Hiện nay, ông Sơn, bà T đã bỏ đi đâu không rõ, không còn sinh sống tại địa phương*”. Bà T cho rằng Ngân hàng Eximbank biết địa chỉ mới mà không cung cấp cho Tòa án dẫn đến việc bà không

nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án là không đảm bảo quyền lợi cho bà. HĐXX xét thấy: Tại phiên tòa, bà T thừa nhận bà chuyển về lô 28, đường T nói dài nay là số 40 đường C, phường H, quận H, thành phố Đ trước ngày Công ty L ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Eximbank. Tuy nhiên, Hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012 vẫn thể hiện địa chỉ của bà T là tại tổ 11, phường K, quận C, thành phố Đ và không đề cập đến địa chỉ mới của bà T. Đến năm 2016, bà T chuyển về 141 đường N, tổ 41 phường H, quận L, thành phố Đ cũng không thông báo cho Ngân hàng biết về địa chỉ mới để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bà đã đảm bảo khoản nợ vay của Công ty L đối với Ngân hàng. Theo Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”*. Tại Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 quy định: *“Trường hợp người bị kiện, người có quyền và nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40, điểm b, Khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung”* Như vậy, bà T khi thay đổi địa chỉ phải có nghĩa vụ báo lại với Ngân hàng biết. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thông báo tìm kiếm người vắng mặt đối với ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T tại địa chỉ tổ 11 phường K, quận C, thành phố Đ và ông Nguyễn Thành V trú tổ 4 phường K, quận C, thành phố Đ là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[2.1] Ngày 25/9/2012, Eximbank có giao kết hợp đồng tín dụng cho Công ty L do ông Đỗ Hữu S- Giám đốc làm đại diện vay với hạn mức 6.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh vật liệu xây dựng trang trí nội thất. Thời hạn giải ngân: Tối đa đến hết ngày 25/9/2013. Thời hạn cho vay của từng lần nhận nợ không quá 12 tháng và quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ, lãi suất cho vay áp dụng cho từng lần giải ngân là lãi suất cho vay Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Theo

đó, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty L với số tiền 6.000.000.000 đồng theo 11 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ.

[2.2] Trong thời gian thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 14/6/2013, Công ty L chỉ mới thanh toán tiền lãi với số tiền: 537.694.315 đồng. Còn từ ngày quá hạn đến nay chưa trả gốc và lãi đồng nào. Kể từ 15/6/2013, Công ty đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả cho Eximbank theo cam kết thỏa thuận trong hợp đồng. Ngân hàng cũng đã khởi kiện nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện được nên Ngân hàng rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang đình chỉ giải quyết vụ án vào ngày 23/11/2015. Ngày 23/4/2015, Ngân hàng đã bán nợ của Công ty L cho VAMC theo hợp đồng mua bán nợ số: 1532/2015/MBN.VAMC2.EXIMBANK. Theo đó, Ngân hàng đã chuyển giao quyền yêu cầu Công ty L phải thanh toán nợ cho VAMC. Năm 2018, VAMC tiếp tục khởi kiện lại nhưng cũng phải đình chỉ giải quyết vụ án ngày 15/8/2018. Đến năm 2019, VAMC tiếp tục khởi kiện lại nhưng đã nhiều lần liên lạc yêu cầu Công ty L thanh toán nhưng vẫn không chịu trả.

[2.3] Tính đến ngày 20/11/2019, thời điểm xét xử sơ thẩm, Công ty L còn nợ VAMC số tiền: nợ gốc 6.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 4.415.051.444 đồng; nợ lãi quá hạn 2.141.653.542 đồng. Tổng cộng: 12.556.704.986 đồng.

[2.4] Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay trên, vợ chồng ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T đã dùng tài sản đứng tên bà Nguyễn Thị Đăng T là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại địa chỉ Lô B42 Khu B5, Khu Dân cư An Hòa, phường K, quận C, thành phố Đ để thế chấp cho Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số: 397/2009 ngày 10/8/2009 và các Phụ kiện hợp đồng thế chấp số: 01- 397/2009 ngày 01/9/2011 và Phụ kiện hợp đồng thế chấp số: 02 - 397/2009 ngày 19/10/2011 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho các khoản vay của Công ty L tại Eximbank.

[3] HĐXX phúc thẩm xét thấy: Hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012 và Hợp đồng thế chấp số: 397/2009 ngày 10/8/2009 và kèm theo phụ kiện hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 01 ngày 01/9/2011 và số: 02- 397/2009 ngày 19/10/2011 là toàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã

hội nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại Điều 2 Hợp đồng thế chấp ngày 10/8/2009: ‘‘Ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T cam kết với Ngân hàng Eximbank đảm bảo toàn bộ nghĩa vụ cho Công ty L được vay hoặc bảo lãnh nhiều lần tại Eximbank, mỗi lần được vay hoặc bảo lãnh vẫn được ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T bảo đảm bằng tài sản thế chấp mà không cần ký lại hợp đồng thế chấp với dư nợ cho vay/dư nợ bảo lãnh’’. Thời hạn là 6 năm kể từ ngày 10/8/2009 đến hết ngày 10/8/2015. Còn Hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012 xác định tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại địa chỉ Lô B42 Khu B5, Khu Dân cư An Hòa, phường K, quận C, thành phố Đ thuộc quyền sở hữu, sử dụng đứng tên bà Nguyễn Thị Đăng T theo hợp đồng thế chấp năm 2009. Do đó, khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản bảo lãnh của bà T phù hợp với hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T xác nhận trong 11 hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ thì có 2 hợp đồng là Công ty L nhận bằng hình thức chuyển khoản, còn 09 hợp đồng là do bà T trực tiếp ký nhận bằng tiền mặt. Vì vậy, việc vay vốn tín dụng giữa Ngân hàng Eximbank với Công ty L do ông Đỗ Hữu S– Giám đốc Công ty là có thật. Cho đến thời điểm hiện nay, Công ty L không chịu trả cho VAMC là cố tình trốn tránh, chạy ì thời gian trả nợ nên cấp sơ thẩm buộc Công ty L phải có nghĩa vụ trả cho VAMC tính từ ngày 15/6/2013 đến ngày 20/11/2019 tổng cộng: 12.556.704.986 đồng là hoàn toàn có căn cứ.

[3.1] Đồng thời, căn cứ Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh mức lãi suất trong Hợp đồng tín dụng số: 1002LAV201201009 ngày 25/9/2012 và 11 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được công bố theo quyết định số: 698/QĐ-CA ngày 17/10/2019 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Công ty L phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh tương ứng đối với số tiền còn nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định buộc Công ty L phải trả nợ gốc và nợ lãi trên là hoàn toàn đúng pháp luật.

[3.2] Trong trường hợp Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VAMC thì VAMC có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là đúng quy định tại Điều 318, 319, 355 Bộ luật dân sự 2005 như cấp sơ thẩm đã nhận định là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Đăng T gồm Luật sư Ông Quốc Cường, Đỗ Thành Nhân, Nguyễn Anh Tuấn cho rằng Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VAMC là không xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ và bỏ qua Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng dân sự, không áp dụng Khoản 1 Điều 159 Bộ luật dân sự năm 2005 về bắt đầu thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T mà ở phiên tòa phúc thẩm không thể nào khắc phục được vì việc áp dụng thời hiệu khởi kiện theo Khoản 2 Điều 184 Bộ luật dân sự năm 2015 phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra Bản án. Theo các Luật sư, Công ty L phải dùng chính tài sản của mình để thế chấp cho Eximbank để đảm bảo cho khoản vay tại hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012. Việc Ngân hàng buộc bà T dùng tài sản là Quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty L là trái quy định tại Điều 361 Bộ luật dân sự năm 2005. Mặt khác, Công ty L không còn khả năng thanh toán cho Ngân hàng Eximbank nhưng Ngân hàng vẫn tiếp tục cho Công ty vay và giải ngân. Mục đích hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012 là che giấu cho các khoản vay trước đó nên xác định lỗi thuộc về Ngân hàng. Mặt khác, khi nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì đương sự không được quyền khởi kiện lại nhưng VAMC vẫn cố tình khởi kiện lại. Cấp sơ thẩm xác định nơi cư trú của bà T không đúng. Ngoài ra, còn sai sót khi ban hành Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của bà T khi chưa có đơn yêu cầu. Điều này chứng minh hợp đồng tín dụng ngày 25/9/2012 vi phạm nghiêm trọng nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 308, 311, khoản 3 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 2 Nghị quyết số 103 ngày 25/11/2015 về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự hủy Bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy: Công ty VAMC mua lại khoản nợ Công ty L từ Ngân hàng Eximbank bằng trái phiếu đặc biệt của Nhà

nước là hoàn toàn phù hợp với Nghị định số: 53 ngày 18/5/2013; Nghị định số: 34 ngày 31/3/2015; Thông tư số: 19 ngày 06/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về mua bán và xử lý nợ xấu của VAMC; Thông tư số: 20 ngày 09/9/2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về cho vay tài cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC; Quyết định số: 16 ngày 24/9/2012; Quyết định số: 21 ngày 28/11/2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế mua bán, xử lý nợ xấu. Mặt khác, tại Hợp đồng mua bán nợ ngày 23/4/2015 đã chuyển khoản nợ của Công ty L cho VAMC thuộc tài sản của Nhà nước và Công ty này được Chính phủ thành lập. Tại thời điểm hai bên ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, hợp đồng mua bán nợ và đã hoàn thành trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên theo quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì các hợp đồng này được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự năm 2005. Đồng thời, khoản nợ của Công ty L là khoản nợ của VAMC thuộc vốn của Nhà nước. Căn cứ quy định tại Điều 160 Bộ luật dân sự năm 2005 đối với tài sản của Nhà nước thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Việc VAMC thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với bà Nguyễn Thị Đăng T như đã nhận định trên là đảm bảo về thủ tục tố tụng và các thiếu sót của cấp sơ thẩm khi ban hành Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ tài sản trước khi có đơn yêu cầu là không nghiêm trọng về mặt thủ tục. Do đó, không có cơ sở chấp nhận theo yêu cầu của các Luật sư hủy Bản án sơ thẩm và Đình chỉ giải quyết vụ án.

[5] Từ những phân tích trên, HĐXX có cơ sở không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đăng T.

[6] Về án phí KDTM-ST: Công ty L do ông Đỗ Hữu S làm Giám đốc phải chịu: 120.557.000 đồng.

[7] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 8.055.000đ, VAMC tự nguyện chịu (đã thu và đã chi xong) nên không đề cập đến.

[8] Do không chấp nhận kháng cáo của bà T nên bà T phải chịu án phí KDTM-PT.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc

thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên án sơ thẩm với nội dung không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đăng T, không áp dụng thời hiệu khởi kiện vì đây là vốn Nhà nước. Buộc Công ty L phải có nghĩa vụ trả cho VAMC tính từ ngày 15/6/2013 đến ngày 20/11/2019 là: Nợ gốc: 6.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 4.415.051.444 đồng; nợ lãi quá hạn: 2.141.653.542 đồng. Tổng cộng: 12.556.704.986 đồng. Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và 11 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ kèm theo. Trường hợp Công ty L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VAMC thì VAMC có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của bà Nguyễn Thị Đăng T để thu hồi nợ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 296, Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 160, 290, 342, 355 Bộ luật Dân sự 2005; Khoản 2 Điều 40, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức Tín dụng; Án lệ số: 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh mức lãi suất; Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số: 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Đăng T đối với Công ty VAMC.

1.1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2019/KDTM-ST ngày 20/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Q (VAMC) về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty L.

Buộc Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L do ông Đỗ Hữu S- Giám đốc phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số: 1002LAV201201009 ngày 25/9/2012 và 11 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ kèm theo tính từ ngày 15/6/2013 đến ngày 20/11/2019: Nợ gốc: 6.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 4.415.051.444 đồng, nợ lãi quá hạn: 2.141.653.542 đồng. Tổng cộng là: 12.556.704.986 đồng (*Mười hai tỉ năm trăm năm sáu triệu bảy trăm lẻ bốn nghìn chín trăm tám sáu đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L do ông Đỗ Hữu S- Giám đốc còn phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 1002LAV201201009 ngày 25/9/2012 và 11 Hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi trả hết toàn bộ nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L do ông Đỗ Hữu S- Giám đốc không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi nói trên cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) thì Công ty TNHH MTV Q (VAMC) có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp do ông Đỗ Hữu S và bà Nguyễn Thị Đăng T bảo đảm để thu hồi nợ là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 162, tờ bản đồ số 56, tọa lạc tại địa chỉ Lô B42- Khu B5, Khu Dân cư An Hòa, phường K, quận C, thành phố Đ do UBND quận Cẩm Lệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ

253165, số vào sổ cấp giấy: H00195 đứng tên bà Nguyễn Thị Đăng T theo Hợp đồng thế chấp số: 397/2009 ngày 10/8/2009 được công chứng ngày 19/8/2009 và các Phụ kiện Hợp đồng thế chấp số: 01- 397/2009 ngày 01/9/2011 được công chứng ngày 01/9/2011, Phụ kiện hợp đồng thế chấp số: 02- 397/2009 ngày 19/10/2011 được công chứng ngày 19/10/2011; đã đăng ký thế chấp ngày 19/8/2009 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

3. Án phí KDTM-ST: Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại L do ông Đỗ Hữu S- Giám đốc phải chịu: 120.557.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu năm trăm năm bảy nghìn đồng*). Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Q (VAMC) số tiền tạm ứng án phí đã nộp: 26.708.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu bảy trăm lẻ tám nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0005518 ngày 05/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: 8.055.000 đồng. Công ty TNHH MTV Q (VAMC) tự nguyện chịu.

5. Án phí KDTM-PT: Bà Nguyễn Thị Đăng T phải chịu: 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0000319 ngày 10/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THA dân sự huyện Hòa Vang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bé

